

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 8 – 2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tha

**Các hội thẩm nhân dân:**

- Ông Hoàng Duy Thanh
- Bà Bùi Thị Hà

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài Thư – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2024/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Diệu H – Có đơn xin xét xử vắng mặt

**Địa chỉ:** Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**Địa chỉ liên hệ:** Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân T – Vắng mặt

**Địa chỉ:** B Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Huỳnh Thị Diệu H trình bày:** Tôi và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/3/2015. Quá trình chung sống

vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tôi và anh **T** không hợp tính nết, không thông cảm cho nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, thậm chí anh **T** còn đánh đập tôi, chửi bới tôi. Việc vợ chồng thường xuyên xích mích gia đình hai bên, đều biết và cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2022 đến nay tôi và anh **T** không còn chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân T.**

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, là cháu **Nguyễn Xuân T1**, sinh ngày 15/9/2015 và **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh ngày 30/9/2018, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tôi muốn được nuôi dưỡng cháu **T2** và giao cháu **T1** cho anh **T** nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi làm công nhân ở thành phố Đà Nẵng với thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Tôi đã thuyết phục anh **T** đưa cháu **T1** đến Tòa án để ghi nhận nguyện vọng của cháu là ở với bố hay mẹ nhưng anh **T** không đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Xuân T trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung tôi hoàn toàn thống nhất với lời khai của chị **Huỳnh Thị Diệu H.**

Về mâu thuẫn gia đình tôi nhận thấy giữa tôi và chị **H** có mâu thuẫn, nguyên nhân do nhiều vấn đề nhỏ nhặt xung quanh như khó khăn về kinh tế, một phần do vấn đề làm dâu ở chung với bố mẹ chồng trong khi con còn nhỏ không tránh khỏi xích mích. Từ cuối năm 2022 đến nay chị **H** bỏ về Đà Nẵng sinh sống và không trở về nhà, không gọi điện hỏi thăm tôi mặc dù tôi đã chủ động liên lạc nhiều lần. Thỉnh thoảng, chị **H** có trở về địa phương để thăm con chứ không vào trong nhà. Tôi nhận thấy cô **H** rất lạnh nhạt, thờ ơ, không quan tâm đến tôi, không còn tình cảm với tôi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị **H** đề nghị ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi thương con không muốn chúng sống cảnh bố mẹ ly hôn.

Về con chung: Tôi không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giao con cho chị **H** nuôi.

Hiện tôi làm nghề lái xe với thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Hiện nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Xuân T1**, sinh ngày 15/9/2015 và **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh ngày 30/9/2018.



Mặc dù được Tòa án giải thích về việc đưa cháu **T1** đến Tòa án để ghi nhận nguyện vọng của cháu là ở với bố hay mẹ nhưng tôi không đồng ý đưa cháu đến Tòa án vì cháu còn quá bé, không nên biết chuyện của bố mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Diệu H.**

Chị **Huỳnh Thị Diệu H** được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân T.**

Về con chung: Giao cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh ngày 30/9/2018; giao cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu **Nguyễn Xuân T1**, sinh ngày 15/9/2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn **Huỳnh Thị H** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn **Nguyễn Xuân T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Huỳnh Thị Diệu H** và anh **Nguyễn Xuân T** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, ngày 18/3/2015, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng chị **H**, anh **T** sống không hạnh phúc; nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hợp, không thông cảm cho nhau nên thường xảy cãi vã, xúc phạm lẫn nhau; bản thân anh **T** cũng thừa nhận, chị **H** không còn tình cảm, không còn quan tâm đến anh, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay; như vậy, cả chị **H** và anh **T** đều xác định tình

cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Như vậy việc chị **H** làm đơn ly hôn với anh **T** là chính đáng cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Giữa chị **H** và anh **T** có 02 con chung là: **Nguyễn Xuân T1**, sinh ngày 15/9/2015 và **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh ngày 30/9/2018. Xét yêu cầu của chị **H**, anh **T** cũng như điều kiện để chăm sóc con chung; Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh ngày 30/9/2018 cho chị **H** nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu **Nguyễn Xuân T1**, sinh ngày 15/9/2015 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị **Huỳnh Thị Diệu H** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 147; a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Thị Diệu H**; Chị **Huỳnh Thị Diệu H** được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân T**

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh ngày 30/9/2018 cho chị **Huỳnh Thị Diệu H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu **Nguyễn Xuân T1**, sinh ngày 15/9/2015 cho anh **Nguyễn Xuân T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị **Huỳnh Thị Diệu H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai số AA/2023/0007521, ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA